

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **338/2026/DSST**

Ngày: **03/7/2026**

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Hứa Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Quốc Bình và bà Đào Thị Hồng Ngọc

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: Ông
Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 177/2026/TLST- DS ngày 23/03/2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2026/QĐXXST-DS ngày 01/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2026/QĐST – DS ngày 17/06/2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty cổ phần J

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà C, số 219 T, phường Y, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người nhận ủy quyền lại: Ông Vũ Xuân Đ (Văn bản ủy quyền số 51707/2025/UQ-
XLN-J ngày 15/7/2025)

(Có đơn xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** 1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1982, CMND số: 11163xxxx do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 18/04/2012

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1987. CCCD số 00118701xxxx do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/08/2016

Điều thường trú: Thôn L, xã P, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NHẬN THẤY

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, người đại diện**

theo ủy quyền của Công ty Cổ phần J do ông Vũ Xuân Đ trình bày:

Ngày 11/09/2017 Ngân hàng TMCP V (V) và vợ chồng ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị C có ký Hợp đồng thế tín dụng số 190-P-596956 với số tiền: 57,000,000 đồng (*Năm mươi bảy triệu đồng chẵn*). Mục đích vay: Vay tiêu dùng

Đối với khoản vay này, hạn mức ban đầu là 40.000.000 đồng. Sau đó, quy trình sử dụng, ông H và bà C được tăng hạn mức sử dụng lên 57.000.000 đồng.

+ Lãi suất áp dụng đối với khoản vay là 47.88%/năm (căn cứ áp dụng lãi suất dựa trên điều kiện giao dịch chung của thẻ - Biểu lãi suất áp dụng chương trình trả góp các giao dịch bằng thẻ tín dụng doanh nghiệp V tại thời điểm vay)

Từ ngày 27/08/2020 khoản vay quá hạn, tính đến ngày 03/07/2026, ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 43.150.243 đồng (*Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng*); Nợ lãi: 287.674.204 đồng (*Hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm linh bốn đồng*); Tổng cộng: 330.824.447 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*).

Ngày 14/09/2017 Ngân hàng TMCP V (V) và vợ chồng ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị C có ký Hợp đồng cho vay số LN1709110228742 (LD1725800479). Số tiền vay là 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*). Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất trong hạn: tại thời điểm giải ngân là 10,4%/ năm. Lãi suất trong hạn sẽ cố định trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/ kỳ. Được quy định trong Hợp đồng và khế ước nhận nợ ký kết giữa bên vay và bên Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

Trong quá trình vay, ông H và bà C đã trả 226.806.821 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm linh sáu nghìn tám trăm hai mươi một đồng*) tiền gốc, 105.213.111 đồng (*Một trăm linh năm triệu, hai trăm mười ba nghìn, một trăm mười một đồng*) tiền lãi, tổng thanh toán 332.019.932 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, không trăm mười chín nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*).

Từ ngày 16/11/2020 khoản vay quá hạn, tính đến ngày 03/07/2026, ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 118.193.179 đồng (*Một trăm mười tám triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng*); Nợ lãi: 201.802.930 đồng (*Hai trăm linh một triệu, tám trăm linh hai nghìn, chín trăm ba mươi đồng*); Tổng cộng:

319.996.109 đồng (*Ba trăm mười chín triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm linh chín đồng*)

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là : 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, số khung MALA741CAHM2XXXXXX, số máy G4LAHM373XXX. Giấy chứng nhận Đăng kí xe ô tô BKS:30E-81x.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/09/2017, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay và hợp đồng thế tín dụng.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng TMCP V (V) có ký Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-J, Hợp đồng chuyển nhượng số 16/2024/VPB-J cùng Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-J, Phụ lục đính kèm khoản nợ của khách hàng vay là ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C đã ký kết với V. (sau này Công ty cổ phần J).

Nay, Công ty cổ phần J yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông H bà C phải thanh toán cho Công ty cổ phần J tạm tính đến ngày 03/7/2026 các khoản gồm: Nợ gốc: 161,343,422 đồng; Nợ lãi: 489.477.134 đồng; Tổng cộng là 650.820.556 đồng. Trường hợp ông H bà C không trả thì phía công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ, bao gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, số khung MALA741CAHM2XXXXXX, số máy G4LAHM373XXX. Giấy chứng nhận Đăng kí xe ô tô BKS:30E-81x.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/09/2017 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Hoàng Văn H và Bà Lê Thị C.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày tại phiên Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc quy định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành tốt các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 317, 318, 319, 320, 323, 351, 353, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 90, 92, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật Ngân hàng Nhà nước; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019

hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Các Điều 26, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J đối với ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C.

- Buộc ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần J số tiền tạm tính đến ngày 03/7/2026 các khoản gồm: Nợ gốc: 161,343,422 đồng; Nợ lãi: 489.477.134 đồng; Tổng cộng là 650.820.556 đồng và tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 04/7/2026 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần J được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp của ông H bà C để thu hồi khoản nợ là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, số khung MALA741CAHM2XXXXX, số máy G4LAHM373XXX. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS:30E-81x.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/09/2017 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vẫn chưa đủ thì ông H, bà C tiếp tục có nghĩa vụ trả khoản nợ còn lại cho Công ty.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C vắng mặt tại các phiên toà không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ. Xét việc vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho họ theo qui định pháp luật.

2. Về nội dung:

Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-J, Hợp đồng chuyển nhượng số 16/2024/VPB-J cùng ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V) với Công Ty Cổ Phần J.

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số LN1709110228742 ngày 14/09/2017, theo đó Ngân hàng TMCP V (V) đồng ý cho ông H và bà C vay số tiền: 345.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 345.000.000 đồng cho ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C theo Khế ước nhận nợ ngày 15/09/2017.

Căn cứ theo hợp đồng thế tín dụng số 190-P-596956 ngày 11/09/2017, Ngân hàng TMCP V (V) đồng ý cho ông H và bà C vay số tiền 57.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên của ông H và bà C, Ngân hàng TMCP V (V) ký Hợp đồng thế chấp tài sản của gia đình là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, số khung MALA741CAHM2XXXXX, số máy G4LAHM373XXX. Giấy chứng nhận Đăng kí xe ô tô BKS:30E-81x.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/09/2017 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông H và bà C đã trả được 226,806,821 đồng tiền gốc, 105,213,111 đồng tiền lãi, tổng thanh toán 332,019,932 đồng. Sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng nên các khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 16/11/2020.

Tính đến ngày 03/7/2026 ông H và bà C còn nợ Công ty các khoản gồm: Nợ gốc: 161,343,422 đồng; Nợ lãi: 489.477.134 đồng; Tổng cộng là 650.820.556 đồng. Do ông H và bà C không trả được nợ cho công ty như đã thỏa thuận các bên ký kết trong hợp đồng đã dẫn đến tranh chấp giữa các bên.

[2.1]. Xét về Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cho vay số LN1709110228742 ngày 14/09/2017 và Hợp đồng thế tín dụng số 190-P-596956 ngày 11/09/2017 cùng Khế ước nhận nợ ngày 15/9/2017 giữa Ngân hàng TMCP V (V) nay Công Ty Cổ Phần J và ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C thì tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP V (V) có đầy đủ tư cách pháp nhân; ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết, bao gồm các thỏa thuận về lãi suất, lãi suất quá hạn.

Qua xem xét, tính toán mức lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng với thời gian chậm trả của ông H, bà C thì, khoản nợ gốc và lãi suất

trong hạn, lãi suất quá hạn nguyên đơn yêu cầu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2]. Xét về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Tại thời điểm tham gia giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, Ngân hàng TMCP V (V) nay Công Ty Cổ Phần J có đầy đủ tư cách pháp nhân; ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C là chủ sử dụng tài sản có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều: 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 92, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Ngày 27/5/2026, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp nêu trên. Tại buổi làm việc bị đơn vắng mặt và không xuất trình tài sản thế chấp theo Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và Thông báo về việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là động sản nêu trên. Do vậy, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được đối với tài sản thế chấp.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công Ty Cổ Phần J về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản nợ trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông H, bà C với Công ty.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng tài sản tranh chấp là 650.820.556 đồng (Sáu trăm năm mươi tám mươi hai nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng) Án phí là 20.000.000 đồng + 4% x (650.820.556 đồng – 400.000.000 đồng) = 30.032.822,2 đồng được làm tròn là 30.033.000 đồng (*Ba mươi triệu, không trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C phải chịu toàn bộ án phí.

Công Ty Cổ Phần J được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu tiền án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006832 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 317, 318, 319, 320, 323, 351, 353, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 90, 91, 92, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật Ngân hàng nhà nước;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Các Điều 26, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J đối với vợ chồng ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị C.

2. Buộc ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần J số tiền vay theo Hợp đồng cho vay số LN1709110228742 ngày 14/09/2017 và Hợp đồng thế tín dụng số 190-P-596956 ngày 11/09/2017 cùng Khế ước nhận nợ ngày 15/9/2017 tính đến ngày 03/7/2026 là : 650.820.556 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu, tám trăm hai nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó bao gồm tiền nợ gốc: 161,343,422 đồng; Nợ lãi: 489.477.134 đồng; Ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C vẫn phải tiếp tục trả khoản nợ lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, hợp đồng thế tín dụng nêu trên, thời gian tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2026 cho đến khi trả xong các khoản nợ tại Công ty.

Trường hợp ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với các khoản nợ trên, Công ty cổ phần J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI I10, số khung MALA741CAHM2XXXXX, số máy G4LAHM373XXX. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-81x.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/09/2017, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng

Văn H và bà Lê Thị C theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1709110228742 ngày 14/09/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H và bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 30.033.000 đồng (*Ba mươi triệu, không trăm ba mươi ba nghìn đồng*)

Hoàn trả cho Công ty cổ phần MBN J (nay là Công ty cổ phần J) số tiền tạm ứng án phí, là 12.800.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006832 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKS KV 11- Hà Nội
- Phòng THADS KV 11- Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Hứa Thị Hà